

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 05 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thanh Tuyền

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Hằng N**, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

* Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Trần Hằng N** trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh **C** chung sống vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại **UBND xã V** vào năm 2022. Trong quá trình chung sống thì giữa chị và anh **C** xảy ra mâu thuẫn là do anh **C** không lo làm ăn mà tụ tập, ăn chơi, hút chích. Từ đó chị và anh **C** ly thân nhau từ năm 2020 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Phạm Khánh D**, sinh ngày 26/7/2008 hiện nay sống chung với anh **C**.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu.

Chị **N** yêu cầu được ly hôn với anh **C**, giao con chung cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng, chị **N** không cấp dưỡng nuôi con; không tranh chấp tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu xem xét.

Tại phiên tòa: Chị **N** xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Bị đơn anh **Phạm Văn C** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh **C** thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự (vắng mặt), nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 20/02/2024 chị **N** nộp đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đến nơi cư trú của anh **C** để tiến hành lấy lời khai nhưng anh **C** không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh **C** được. Ngày 22/03/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh **C** vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **C** nhưng anh **C** vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **C** và chị **N** theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Hằng N** và anh **Phạm Văn C** chung sống vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại **UBND xã V** vào năm 2022 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng về sinh hoạt đời sống hằng ngày và không tự dàn xếp được, từ đó anh chị ly thân nhau từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy giữa chị **N** và anh **C** đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa chị

N và anh **C** không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **N** và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị **N** được ly hôn với anh **C**.

[3] Về quan hệ con chung: Chị **Trần Hằng N** xác định, chị **N** và anh **C** có 01 con chung tên **Phạm Khánh D**, sinh ngày 26/7/2008 hiện nay sống chung với anh **C**. Theo đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 19/12/2023 của cháu **D** thì cháu duy có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh **C**. Xét thấy theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai của chị **N**, chị **N** đồng ý giao con chung tên **Khánh D** cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng. Lời trình bày của chị **N** phù hợp với nguyện vọng của cháu **D** nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu **D** cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **C** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Hằng N** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Trần Hằng N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Trần Hằng N**.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Trần Hằng N** được ly hôn với anh **Phạm Văn C**

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên **Phạm Khánh D**, sinh ngày 26/7/2008 cho anh **Phạm Văn C** tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trần Hằng N** không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Hằng N** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị **Trần Hằng N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số: 0005136 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị **N** đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt, chị **Trần Hằng N** và anh **Phạm Văn C** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Vân Khánh Tây;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

Trần Văn Tới

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

